TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THOẠI SƠN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2023/HNGĐ-ST
Ngày 27 tháng 4 năm 2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Hoài Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: bà Diệp Thị Thu Nguyệt và ông Huỳnh Văn Tý.

Thư ký phiên tòa: bà Huỳnh Tiểu Ngọc – Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn: không tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2023/TLST-HNGĐ ngày 28/3/2023 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/4/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Lê Thị T, sinh năm 1985.

- Bị đơn: anh Cao Hồng H, sinh năm 1987

Cùng địa chỉ: ấp T, xã V, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Chị với anh Cao Hồng H chung sống với nhau từ năm 2003, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 02 con chung. Tuy nhiên gần đây thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Do không thể tiếp tục sống chung với anh H được nữa nên chị đã về nhà cha mẹ ruột sống và chị với anh H cũng chính thức ly thân từ tháng 02/2023 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, không thể hàn gắn lại được, nay chị T yêu cầu như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị T xin được ly hôn với anh Cao Hồng H.

+ Về con chung: có 02 con chung tên Lê Thị Huỳnh N sinh ngày 18/11/2005 và Cao Vũ D sinh ngày 25/11/2008. Sau ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Huỳnh N và đồng ý giao con chung Vũ D cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu.

+ Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn anh Cao Hồng H trình bày:

Anh với chị Lê Thị T chung sống với nhau từ năm 2003, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Theo anh nguyên nhân chị T xin ly hôn bắt nguồn từ việc mẹ ruột anh mâu thuẫn với chị T, giữa hai người thường xuyên xảy ra xung đột dẫn đến việc chị T bỏ về nhà cha mẹ ruột sống vào tháng 02/2023 cho đến nay. Anh cũng đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị T không đồng ý. Nay ý kiến của anh H như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: anh Cao Hồng H đồng ý ly hôn với chị Lê Thị T.

+ Về quan hệ con chung: có 02 con chung tên Lê Thị Huỳnh N sinh ngày 18/11/2005 và Cao Vũ D sinh ngày 25/11/2008. Sau ly hôn anh đồng ý để chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng Huỳnh N và đồng ý tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng Vũ D. Không yêu cầu cấp dưỡng.

+ Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn. Bị đơn anh Cao Hồng H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp T, xã V, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Chị Lê Thị T và anh Cao Hồng H chung sống với nhau từ năm 2003, có tổ chức đám cưới nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên thời gian gần đây thì bắt đầu bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, vợ chồng cũng chính thức sống ly thân từ tháng 02/2023 cho đến nay. Do tình cảm không còn, không quay lại sống chung với nhau được nữa nên chị T có đơn xin được ly hôn, anh Cao Hồng H cũng đồng ý ly hôn. Tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”. Tại khoản 2 Điều 53 cũng quy định: “Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này”. Như vậy, mặc dù chị T và anh H đã chung sống với nhau một thời gian dài nhưng về mặt pháp luật không thừa nhận quan hệ giữa anh, chị là vợ chồng nên việc chị T yêu cầu ly hôn với anh H là không phù hợp mà cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị T và anh Cao Hồng H.

[2.2] Về quan hệ con chung: chị T và anh H thống nhất vợ chồng có 02 con chung tên Lê Thị Huỳnh N sinh ngày 18/11/2005 và Cao Vũ D sinh ngày 25/11/2008. Tại biên bản lấy ý kiến ngày 14/4/2023, mong muốn của cháu Như là được tiếp tục sống với mẹ, mong muốn của cháu Vũ D là được sống ba sau khi ba mẹ ly hôn; chị T và anh H cũng đồng ý với ý kiến của các con. Căn cứ vào điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu N cho chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; giáo cháu Vũ D cho anh H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị T và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do các bên không yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

[3] Từ những phân tích trên, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là chưa phù hợp với quy định của pháp luật, các yêu cầu khác được chấp nhận.

[3] Về án phí: chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 điều 28, điều 35, điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 1 điều 227 và khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 điều 9, điều 14, khoản 2 điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị T và anh Cao Hồng H.

- Về quan hệ con chung: giao con chung Lê Thị Huỳnh N sinh ngày 18/11/2005 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; giao con chung Cao Vũ D sinh ngày 25/11/2008 cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Chị Lê Thị T và anh Cao Hồng H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Lê Thị T và anh Cao Hồng H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở nhau trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hay việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết. Tuy nhiên sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì chị Lê Thị T và anh Cao Hồng H phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

2. Về án phí: chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011644 ngày 28/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TS, tỉnh An Giang nên đã nộp xong.

Chị Lê Thị T và anh Cao Hồng H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã (thị trấn) nơi cư trú để yêu cầu xem xét phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKS huyện Thoại Sơn;
- Chi Cục THADS huyện Thoại Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoài Lâm